

HÀNH TRANG CỦA NGƯỜI HỌC PHẬT

Ý Nghĩa Quy Y Tam Bảo

Năm Giới Của Người Phật Tử Tại Gia

Ý Nghĩa Lạy Hồng Danh Pháp Hoa
Và Tụng Bốn Môn Pháp Hoa Kinh

Ý Nghĩa Lạy Hồng Danh Sám Hối

Ý Nghĩa Tụng Kinh Dược Sư Và Niệm
Phật Dược Sư

Ý Nghĩa Niệm Phật Di Đà

Ý Nghĩa Quy Y Tam Bảo

Tam Bảo là điểm nương tựa khởi đầu, là nền tảng căn bản rất quan trọng mà tất cả Phật tử tại gia cần ý thức và thể hiện tốt đẹp trong cuộc sống.

Hàng Phật tử tại gia nương tựa Tam Bảo không chỉ giới hạn ở bước khởi điểm. Pháp này cần được phát huy sâu rộng trong suốt quá trình tu tập cho đến ngày thành đạt quả vị Vô thượng Đăng giác. Vì nếu lệch ra ngoài hướng đi của Tam Bảo, chắc chắn sẽ lạc vào đường tà.

Trước nhất, đối với người Phật tử tại gia, Đức Phật là bậc Đạo sư sáng suốt, giác ngộ, là Phật Bảo. Thật vậy, với bản chất thông minh, Ngài không bằng lòng cúi đầu an phận, phú thác vận mạng cho thần linh như tất cả mọi người đương thời. Ngài hạ quyết tâm tự tìm chân lý.

Sau 49 ngày tư duy dưới cây Bồ đề, Ngài đã thành tựu quả vị Phật. Nghĩa là Ngài nắm bắt được thật tướng của vũ trụ và vạn vật, thấy được nguyên nhân sinh tử của mình và của tất cả mọi người, mọi loài. Không có gì nằm ngoài sự hiểu biết và lực tác động của Phật.

Phát khởi tâm từ bi vô hạn, Đức Phật muốn san sẻ hiểu biết siêu tuyệt và nếp sống an lạc, giải thoát cho mọi người. Cùng với trí tuệ trong sáng vô cùng của bậc Toàn giác, Đức Phật biết rõ những người có nhân duyên với Ngài. Vì thế, mở đầu con đường giáo hóa độ sinh, Đức Phật đã rời Bồ đề đạo tràng, đến Lộc Uyển để giúp năm anh em Kiều Trần Như giải tỏa những dần

vật khổ đau. Đồng thời Ngài còn khai thông trí tuệ cho họ, dạy họ pháp Tứ Thánh để chấm dứt sự khổ đau và mở ra con đường dẫn đến hạnh phúc, an lạc thường còn.

Những lời chỉ dạy quý báu của Đức Phật đã thể hiện một giá trị thiết thực cao tột, đó là Pháp Bảo. Năm anh em Kiều Trần Như nương nhau tu hành, tạo thành một tập thể đoàn kết, hài hòa, an vui, giải thoát, chính là Tăng Bảo.

Từ mô hình Tam Bảo đầu tiên như vậy, ngày nay, Phật tử Bắc tông hay Nam tông khởi đầu đến với đạo Phật đều phải quy y Tam Bảo.

Quy y Phật là nhận Đức Phật làm Thầy, tin Phật hoàn toàn sáng suốt bậc nhất. Người buồn phiền, hay có nhiều điều nan giải đến với Phật đều được Ngài hóa giải.

Quy y Pháp là tin và chấp nhận những quy luật đúng đắn, không bao giờ sai lầm, do Đức Phật truyền dạy. Vì trên bước đường thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, lời nói và việc làm của Đức Phật luôn tương ưng với nhau. Ngài đáp ứng được yêu cầu của quần chúng, mới cảm hóa được mọi người cùng thăng hoa thánh thiện.

Quy y Tăng là chấp nhận tập thể tu sĩ đoàn kết, hòa hợp, thanh tịnh, an vui, cùng tu hành, cùng lý tưởng tìm chân lý và đang từng bước thực hiện mục tiêu hướng đến quả vị Phật.

Nhận thức đúng đắn ý nghĩa quy y Tam Bảo để hàng Phật tử tại gia nuôi lớn đức tánh Tam Bảo trong chính cuộc sống của mình.

Thật vậy, người Phật tử quy y Phật để phát triển tánh sáng suốt tiềm tàng trong tâm mình và trong cả muôn loài. Trên mặt hiện tượng có muôn ngàn sai biệt đủ loài đủ dạng, nhưng hiểu ở mặt thể tánh thì muôn loài muôn vật đều có tánh sáng suốt. Đức Phật dạy rằng tánh sáng suốt này có sẵn trong chúng ta từ vô thủy, nó không thiếu, không dư, không được, không mất. Vì ngũ ấm che đậy, chạy theo vọng tưởng, nên mọi người không nhận biết và không sử dụng được tánh sáng suốt của mình. Trong khi Đức Phật diệt trừ

hoàn toàn tham sân phiến não, trở về bản tánh sáng suốt tuyệt đối, thành tựu quả vị Phật.

Quy y Phật, việc chính yếu là làm cho tánh sáng suốt của ta bùng sáng, không còn bị phiến não chi phối. Kính thờ Phật, quý trọng Phật, lễ lạy Phật, thì cần mãi dũa cho tâm ta được sáng suốt. Trở về với bản tánh vốn sáng suốt của mình, trí tuệ tự nhiên bùng sáng, thấy biết mọi việc một cách đúng đắn. Sống được với thể tánh sáng suốt, ta mong cho mọi người cũng được như vậy.

Ngoài ra, người Phật tử quy y Pháp nhằm cố gắng phát huy thấy biết đúng như thật gọi là chân lý hay Pháp Bảo, bằng cách nương theo kinh điển, suy tư, tìm hiểu nghĩa lý sâu xa mà Đức Phật muốn dạy. Và sử dụng hiểu biết của Phật trang nghiêm cho cuộc sống, mọi việc diễn tiến thế nào thì tùy theo đó hành động, không chấp chặt vướng mắc trong ngữ ngôn, văn tự. Đạt được tự tánh Pháp Bảo lưu xuất từ chơn tâm thanh tịnh, quý vị ước nguyện cho mọi người cũng sử dụng được Pháp Bảo của chính họ.

Quy y Tăng, nương theo sự hòa hợp, thanh tịnh, an vui của đoàn thể Tăng bên ngoài, để nuôi lớn tâm thanh tịnh của ta. Bản tánh thanh tịnh này vẫn hằng hữu, nhưng bị phiến não nhiễm ô che lấp, nên trí giác không phát sinh được. Nay thấy được chân lý, nhận rõ muôn vật dù thuận hay nghịch đều từ một thể sinh ra, đều thanh tịnh hòa hợp. Và khi sống đúng với chân lý, những chống trái, mâu thuẫn không còn, ta sẽ được an vui, giải thoát, nuôi lớn được tự tánh Tăng Bảo.

Từ thanh tịnh của chính mình làm hạt nhân cho mọi người, mọi vật xung quanh hòa hợp thanh tịnh theo, quý Phật tử nguyện cho mọi người cũng được như vậy.

Tóm lại, hàng Phật tử tại gia quy y Tam Bảo, làm sáng danh Tam Bảo, cố gắng phát huy trí tuệ và đạo đức, đóng góp tích cực vào những hoạt động hoằng dương Phật pháp và làm lợi ích cho xã hội.

Năm Giới Của Người Phật Tử Tại Gia

Đức Phật dạy muốn được an lạc, giải thoát trên thế gian đầy cạm bẫy hiểm nguy, phải tu giới. Ngài nói rõ rằng mọi người đau khổ, không được giải thoát, vì không có trí tuệ, không biết, nên phạm nhiều sai lầm.

Để giúp chúng ta ngăn ngừa việc sai lầm, Đức Phật đưa ra một số quy tắc gọi là giới. Ngài khuyên chúng ta tu tập, phải tôn trọng giới luật như giữ gìn tròng con mắt.

Năm giới là năm điều ngăn cấm giúp người Phật tử tại gia sống an vui, hạnh phúc; phiền não, tội lỗi không tác hại được thân tâm.

Giới cấm thứ nhất mà Đức Phật dạy là không được sát sinh; phải tôn trọng sự sống của muôn loài. Phạm tội sát sinh nặng hay nhẹ, tùy theo đối tượng bị sát hại là loài người hay loài vật. Nếu là loài người, còn phải xét đến tư cách, địa vị của người bị sát hại.

Nếu tính từ trên xuống, việc giết hại Phật bị xếp vào tội phạm giới sát nặng nhất. Thật vậy, Đức Phật tiêu biểu cho người trí tuệ bậc nhất, đóng góp nhiều lợi ích cho cuộc đời. Vì vậy, việc sát hại một người cao quý nhất, cần thiết nhất đã gây ra hậu quả nghiêm trọng, làm mất mát, làm thiệt hại lớn lao cho nhân loại.

Kế đến, nếu sát hại những bậc Thánh nhân là những người tài giỏi, đạo đức chỉ đạo thế gian, hoặc giết hại Thầy dạy, cha mẹ nuôi dưỡng. Người đó đã phạm tội ngũ nghịch, một loại tội phạm nặng nhất bị ngăn cấm trong giới sát sinh.

Tiếp theo tội ngũ nghịch là tội giết người bình thường, những người không thuộc hàng Phật, Thánh nhân, Thầy dạy, cha mẹ. Đối với tội giết người này được coi là nặng hơn tội giết loài vật; vì mạng sống con người cao hơn thú vật.

Nhờ giữ gìn giới cấm sát sinh, tôn trọng sự sống của mọi người, mầm mống chiến tranh được triệt tiêu. Sự bất an, sợ hãi và hận thù không còn trong tâm trí của mọi người, tạo nên thế giới hòa bình, an vui.

Dưới một nấc nữa, người Phật tử tại gia không giết hại các loài thú vật. Hành động tôn trọng sự sống của những loài thấp kém hơn phát xuất từ tâm từ bi của người đệ tử Phật. Tu tập tâm từ bi không cho phép người Phật tử tại gia hủy hoại mạng sống của bất cứ loài nào, huống chi là giết hại chúng để thỏa mãn thú vui ích kỷ.

Ngoài ra, trong kiếp luân hồi sinh tử vô tận, mọi người liên tục mang đủ các loại thân hình trong sáu đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a tu la, trời, người. Với tầm nhìn hạn hẹp không quá đường chân trời, làm sao thấy được những chúng sinh đã từng có quan hệ bạn bè, quyến thuộc thân thích với mình như thế nào.

Đối với việc cấm sát hại thú vật, ngày nay các nhà khoa học trên thế giới cũng quan tâm kêu gọi mọi người hãy tôn trọng sự sống của muôn thú. Vì sự hiện hữu hỗ tương cộng tồn của muôn thú trong môi trường sống của loài người là điều quan trọng cần thiết, cho nên việc săn bắn giết hại nhiều thú vật ở một số vùng, đã gây tác hại không ít đến vấn đề mùa màng và môi sinh của con người.

Đó là một số quy định theo đạo Phật về vấn đề sát sinh, nếu giết hại loài người cho đến loài vật đều phạm tội. Tuy nhiên, ở thời đại chúng ta ngày nay, thiết nghĩ cần hiểu ý nghĩa sát sinh một cách rộng hơn. Nó có liên quan đến vấn đề môi sinh. Sát sinh là tiêu hủy sự sống. Từ định nghĩa này, có thể nói rằng những người hủy hoại môi trường sống đã phạm tội sát sinh. Thí dụ những người phá rừng, phóng thải chất hóa học, hay những chất cặn bã độc hại vào sông hồ, biển, hoặc trong không khí, v.v..... Những việc làm như vậy gây ra sự ô nhiễm không khí, làm ô nhiễm môi trường sống của mọi người. Nó làm mất cân bằng sinh thái, đưa đến bệnh tật, tử vong, hay rút ngắn tuổi thọ của con người. Họ đã gián tiếp giết người và giết một số lượng lớn.

Giới cấm thứ hai mà Đức Phật dạy là không được trộm cắp; phải tôn trọng tài sản của công và của người khác. Người đệ tử Phật hiểu sâu sắc rằng tài sản, của cải hưởng được, đều là kết quả của phước báo đã tu tạo trong quá khứ, hoặc việc làm trong hiện tại một cách chính đáng.

Ngoài ra, những vật sở hữu của mọi người ở trên cuộc đời này cũng không có gì là vững chắc; vì nó có thể bị năm thứ tai họa làm tiêu tan. Đức

Phật gọi đó là giấc nằm nhà: nước cuốn trôi, lửa đốt cháy, giặc đánh cướp, bị tịch thu và con cái hư hỏng phá hủy.

Như vậy, của cải tạo được một cách hợp pháp còn không giữ được, huống gì là của phi pháp. Trong dân gian thường nói rằng cửa phi nghĩa vào cửa trước ra cửa sau. Người trộm cắp tất nhiên chẳng ai dám tin dùng, gán gửi. Làm thế nào họ có được đời sống yên ổn, an vui.

Giới cấm thứ ba mà Đức Phật dạy người Phật tử tại gia là không được tà dâm; phải tôn trọng hạnh phúc gia đình của mọi người. Giữ được giới hạnh này, cuộc sống gia đình của chính họ sẽ được hòa thuận, an vui, hạnh phúc, tâm được sáng suốt.

Giới cấm thứ tư là không được nói dối. Đạo Phật là đạo trí tuệ. Người Phật tử cần trang bị hiểu biết sáng suốt, đúng đắn. Tất nhiên khi chưa thấy đúng, thì cũng đừng dùng lời nói bóp méo sự thật; phải biết tôn trọng sự thật. Thực tế cho thấy người có mưu mô xảo trá đến đâu, với thời gian cũng không thể nào che giấu được sự thật. Người nói dối, lời nói không đi đôi với việc làm, chẳng còn giá trị. Không ai dám tin tưởng họ, vì thế mọi sinh hoạt và phát triển của chính họ cũng đã bị bít lối.

Ngoài ra, tu theo tâm từ của Phật, người Phật tử tại gia tập cho khẩu nghiệp của chính mình được trong sạch, bằng cách không mắng nhiếc; không nói lời độc ác; không nói lời làm tổn thương danh dự người khác. Tu tập tâm trí sáng suốt, tôn trọng sự thật, người Phật tử tại gia không thể nói thêm bớt, bịa đặt; không nói lời gây chia rẽ làm mất đoàn kết trong tổ chức, trong bạn bè.

Giới cấm thứ năm mà Đức Phật dạy là không được uống rượu. Thật ra, tự bản chất rượu không có tội; nhưng nó là nguyên nhân tạo ra bốn tội trên và nhiều tội khác. Nhất là rượu làm mất hạt giống trí tuệ, nên Đức Phật không cho uống rượu.

Tác hại của rượu ngày nay đã quá hiển nhiên. Rượu gây ra bệnh sơ gan, ung thư gan, làm mất trí nhớ, rối loạn thần kinh và dẫn đến nhiều bệnh tật, biến chứng khác. Như vậy, người uống rượu thì cơ thể bệnh hoạn, tinh thần bị suy sụp, tổn giảm, không còn sáng suốt và sinh con dễ bị dị tật.

Rượu độc hại hơn thuốc độc, vì thuốc độc chỉ giết một mạng người. Trong khi rượu tiêu hủy hạt giống trí tuệ, tiêu diệt giới thân huệ mạng của con người trong nhiều đời; họ trở nên si mê, ngu muội. Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta thấy có những kẻ phạm pháp giết người phải uống rượu để không còn bình tĩnh, không sáng suốt, mới dám liều lĩnh làm chuyện ác. Tuy nhiên, có một số bệnh cần phải chữa bằng rượu thì Phật tử phải xin chư Tăng cho phép dùng rượu.

Trong năm giới cấm kể trên, có thể phát nguyện giữ từng giới một; không nhất định phải giữ đủ năm giới một lần. Quý Phật tử có thể chọn một giới để giữ trước; giữ gìn từ tâm cho đến hành động bên ngoài, cố gắng đánh cho gục một tên giặc trong chính bản thân mình.

Từ thuở nhỏ, tôi nghĩ giới sát sinh quan trọng, nên cố gắng giữ giới này. Trong ba tháng an cư, tôi không đi ra ngoài, sợ đạp chết các loài côn trùng. Giữ cho đến giới thể thanh tịnh từ trong lòng; ý sát hại chẳng những không còn, mà đổi thành ý nghĩ hộ mạng cho chúng sinh và hành động bảo vệ chúng sinh.

Trên thực tế, chúng ta thấy những người làm nghề sát hại sinh vật cũng muốn bỏ nghề; nhưng nghề với nghiệp dính liền nhau. Có nghiệp mới sinh ra nghề, nên cũng không dễ bỏ nó. Vì thế, người Phật tử tại gia muốn đổi nghề, phải sám hối cho tiêu hết nghiệp.

Giữ trọn một giới, quý Phật tử đã có năm vị thần hộ mạng. Người giữ đủ năm giới một lượt chúng tỏ họ đã tu nhiều đời. Hiện đời họ mới được sáu căn thông lợi, ba nghiệp thuần hòa; đời sau họ được sinh về cõi nhơn thiên.

Hàng Phật tử tại gia giữ đúng giới luật mới thật sự là đệ tử Phật. Trái lại, quy y và phát nguyện giữ năm giới, mà sinh hoạt hằng ngày chẳng giữ gìn một giới pháp nào cả, chỉ là Phật tử giả danh, hình thức.

Tôi mong rằng hàng Phật tử tại gia đã phát tâm thọ Tam quy, nguyện giữ năm giới, hãy tinh tấn dũng mãnh sống theo khuôn mẫu của Đức Phật chỉ dạy. Được như vậy, mới xứng đáng là người con Phật hộ trì chánh pháp Như Lai còn mãi trên thế gian, để lợi lạc cho chúng hữu tình.

Ý Nghĩa Lạy Hồng Danh Pháp Hoa Và Tụng Bốn Môn Pháp Hoa Kinh

Tất cả pháp môn tu của Phật dạy đều là phương tiện nhằm diệt khổ và làm cho chúng ta an lạc. Trước tiên, bản thân chúng ta phải được an lành, mới giúp cho người khác an. Mình chưa an mà nghĩ đến mang an vui cho người là sai lầm lớn.

Mỗi pháp môn tu có nét đặc sắc riêng. Tùy theo căn cơ, trình độ của mỗi người mà chọn pháp môn thích hợp với mình, chọn Thầy hướng dẫn và chọn bạn cùng tu. Vì vậy, pháp thích hợp với người này, nhưng không thích hợp với người khác. Hoặc vị Đạo sư hướng dẫn được người này, nhưng không dạy được người khác. Hiểu như vậy, thì không có pháp này đúng, pháp kia sai; không có Thầy này đúng, vị khác sai. Tất cả pháp Phật nếu sử dụng đúng, ta được an lành; sử dụng sai thì phiền não.

Có thể nói tất cả pháp môn ở bước ban đầu đều tạo điều kiện cho chúng ta sống an lạc. Vì vậy, không đạt được lợi ích này, dù tu suốt đời chỉ lãng phí thì giờ và sức khỏe của ta mà thôi.

Riêng pháp tu theo Pháp Hoa thuộc Viên giáo, nghĩa là thời pháp cuối cùng của Đức Phật, tổng kết một đời giáo hóa của Ngài. Theo Nhật Liên Thánh nhân, những người có căn tánh Đại thừa, phát tâm Bồ đề rồi, thì đi thẳng vào pháp tu Nhất Phật thừa là Pháp Hoa.

Thật vậy, chúng ta có nhân duyên với Đức Phật, đã từng trồng căn lành với Phật từ nhiều đời. Vì thế, trong hiện đời, chúng ta thấy hình ảnh Phật, nghe pháp, thấy Tăng là phát tâm ngay. Với nhân duyên căn lành đã có sẵn, chỉ cần làm cho căn lành này phát lên. Nhờ Phật làm căn lành ta phát khởi bằng cách lạy Phật,

niệm Phật, trì tụng yếu nghĩa của Pháp Hoa. Đó là việc chính của người tu Pháp Hoa.

Khi có Phật xuất hiện trong tâm linh, thì cuộc sống ta thay đổi. Tâm trí chúng ta tự sáng ra, ý nghĩ đen tối không còn; người ác không sai khiến, lung lạc ta được. Không có căn lành, không thể tu pháp này. Vì vậy, tu thấy giống nhau, nhưng kết quả khác nhau ở chỗ có căn lành hay không.

Có căn lành mới nhận được Phật huệ rọi vào, biết rõ việc tốt xấu; không ai lường gạt ta được. Người không có căn lành, nhưng có ác nghiệp, tà tâm vọng niệm của họ lớn, chắc chắn quỷ sẽ theo hướng vọng tâm đó mà đến. Và trên thực tế là người ác sẽ đến với họ; vì niệm ác thì đồng với ác niệm. Cứ như vậy, niệm ác tăng trưởng mạnh, phải bị đọa. Thử nghĩ mình ghét người, làm sao người thương mình được. Cái gì mình ném ra thì cái đó dội ngược về mình. Từ ý ác, đến lời nói ác, việc làm ác, là đầy đủ ba nghiệp tội lỗi. Người biết tu, hễ niệm ác khởi lên, phải lo diệt nó liền. Nếu không, ta sẽ nhận lãnh ác xấu đó.

Người tu Pháp Hoa lạy Phật, niệm Phật, để tâm chúng ta luôn nối liền với Phật, để niệm ác sinh ra thì nhờ Phật lực xóa ngay nghiệp cho mình. Trên bước đường tu, lạy Hồng danh Pháp Hoa, cảm được hạnh của vị Phật nào cũng được.

Hạnh của Phật đến với chúng ta, làm cho ý nghĩ chúng ta khác, xóa liền ý niệm xấu. Thí dụ nghĩ đến hạnh kính trọng mọi người của Đức Phật, chúng ta vội vàng dập tắt ngay ý niệm xem thường người. Vì Phật là đáng trọng lành, mà Ngài còn có hạnh khiêm cung như vậy; còn ta là gì mà dám khi dễ người khác.

Người tu Pháp Hoa chỉ được khởi hai tâm. Thứ nhất là tâm kính trọng. Ta kính trọng Phật, Hiền Thánh và kính trọng cả đại chúng thì quá tốt. Kính trọng học trò

của ta thì họ càng kính ta hơn; đâu mất gì. Không bằng ai, nhưng xem thường người, mắc quả báo lớn.

Nuôi tâm kính trọng người bằng cách lạy Phật, niệm Phật. Vì đối với các bậc thánh thiện hoàn toàn, chúng ta dễ dàng tôn kính. Nhìn về ba đời các Đức Phật mà ta nuôi lớn tâm lành này. Đối với các Đức Phật vị lai là những người đang tiến bước trên lộ trình giác ngộ, ta kính trọng Bồ đề tâm của họ; không phải kính trọng thân xác.

Tâm thứ hai mà người tu Pháp Hoa cần nuôi dưỡng là đại bi tâm. Thấy người nào mà ta giúp đỡ được thì đều sẵn lòng. Kể cả những người hại ta, cũng phải khởi tâm thương họ; vì biết chắc rằng họ sẽ bị quả báo do hành động xấu ác với ta. Thiết nghĩ người chỉ sống với tâm đại bi, chắc chắn họ dễ thương vô cùng. Tùy tâm đại bi rộng lớn đến mức độ nào thì sẽ được người khác thương quý đến đó.

Lạy Phật, tạo sự gắn liền giữa ta và Phật hơn là gắn với chúng sinh, để tiêu trừ nghiệp. Còn đại khờ, ít nghĩ đến Phật, nhưng nói chuyện chúng sinh thì nghiệp ác tăng trưởng. Đối với oan gia nghiệp chướng, tôi thường tránh mặt; vì gặp thì dễ khởi niệm ác. Trong suốt 20 năm, tôi tập tránh tiếp xúc, để bớt buồn phiền. Chỉ lo tu phần mình, thấm thía với câu Phật dạy "An phận nghèo quy củ tu hành".

Kể đến là tôi tránh nghe. Nơi nào có thị phi, phải trái, hơn thua, tôi bỏ đi; vì nghe thì nghiệp mình theo đó nổi lên. Gặp điều gì không bằng lòng, ta niệm Phật liền để giữ lòng yên ổn.

Ngoài tụng kinh, niệm Phật, suy tư lời Phật dạy là tham Thiền. Ngày nay, tôi đạt được hiểu biết, nhờ hạ thủ công phu như vậy.

Thứ ba là tránh nói, vì sợ nhất là nói dối. Kinh Pháp Hoa dạy rằng chuyện phải, có thật, còn không nói; hướng chi là nghe. Lỡ nghe rồi thì rửa sạch tai, đừng để chuyện không tốt len vào tâm làm bẩn tâm; vì chúng ta chưa đủ sức hóa giải nghiệp của người.

Tu theo Hồng danh Pháp Hoa, chủ yếu lạy Phật, tạo mối quan hệ của ta với Phật càng nhiều càng tốt. Người lạy Phật nhiều, niệm Phật nhiều, phải hiện hảo tướng, phước đức tăng trưởng.

Kế đến, lễ lạy Bồ tát. Đối với Bồ tát mới phát tâm, ta hướng đến tâm Bồ đề của họ mà kính lễ. Đối với Bồ tát thương nhân gian mà sinh lại cuộc đời này, thì ta lạy hạnh đức của các Ngài. Lạy Bồ tát, tạo liên hệ gắn bó với các Ngài, để các Ngài trợ lực cho việc làm tốt của ta thành tựu; vì thật sự ta đã làm thay các Ngài. Và sau cùng, chúng ta kính lễ Hiền Thánh Tăng là những người thánh thiện trên thế gian này.

Tạo mối tương quan mật thiết với chư Phật, Bồ Tát và Thánh Hiền trong kinh điển và trở lại thực tế cuộc sống, chúng ta quan hệ với người tài giỏi, người trong sạch, người làm lợi ích cho đời; chắc chắn việc của chúng ta thành công.

Ngoài lạy Phật, người tu Pháp Hoa còn gia trì thần chú là đọc thần chú thủ hộ của Bồ tát, Thánh Hiền, chư thiên, thần linh. Các Ngài đã phát nguyện ủng hộ người tu Pháp Hoa, nên chúng ta gia trì thần chú để cầu nguyện các Ngài giúp đỡ. Tùy lực gia trì của các Ngài đến đâu, chúng ta làm đến đó; không khởi vọng niệm tham cầu.

Sau cùng, tụng Bốn môn Pháp Hoa là phần yếu nghĩa của kinh, để trấn áp nghiệp, không cho nghiệp ác sinh khởi và cũng để mở rộng hiểu biết tinh ba của Phật dạy và thực hiện hạnh Phật trong cuộc sống tu hành.

Chuyên tu Pháp Hoa đúng pháp như vậy, trải qua một thời gian, sẽ được nhiều người thương quý, việc làm dễ dàng thành công, tâm chúng ta sáng lạn và xa rời trần cấu. Khi bỏ huyễn thân này, sẽ trở về thế giới Phật.

Ý Nghĩa Lạy Hồng Danh Sám Hối

Trong mùa tu gia hạnh năm nay, Thầy chia ra ba tuần tu như sau: Tuần thứ nhất, chúng ta lạy Hồng danh sám hối tội căn để nghiệp tiêu trừ thì tuần thứ hai, mới thọ trì Bốn môn Pháp Hoa và tuần thứ ba, chúng ta tụng kinh Bát Đại Nhân Giác, suy nghĩ về sự thành đạo của Đức Phật để chúng ta nỗ lực thực hiện trong cuộc sống.

Nương theo lời dạy của Ngài Trí Giả mà phân chia thời khóa tu trong ba tuần như vậy; vì muốn đem pháp Phật vào tâm, phải sám hối cho tiêu nghiệp. Còn trần lao nghiệp chướng nhiều, không thể tiếp thu pháp Phật được. Người có trần lao nghiệp chướng nhiều thì thân bệnh hoạn, tâm buồn phiền, đời sống khó khăn; họ không thể tập trung thân tâm vào Phật pháp, khó thấy Phật. Vì vậy, trên bước đường tu, làm sao cố dẹp mây mờ phiền não ngăn che tâm chúng ta, để tâm được yên tĩnh mới tiếp cận được thiên nhiên, gần gũi được Phật và Bồ tát.

Tu Pháp Hoa, sám hối tội căn là pháp rất quan trọng, thuộc phần Tích môn theo Trí Giả đại sư. Ngài dạy chúng ta pháp Ngũ hối, nghĩa là nương vào năm pháp tu mà Ngài trích ra từ mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ tát.

Trong Ngũ hối, phần thứ nhất, Trí Giả đại sư dạy rằng phải tán thán các Đức Phật. Muốn tán thán, phải thấy được phước tướng của chư Phật. Vì khi tiếp xúc với trần lao nghiệp chướng, mà còn đầy đủ nghiệp thì nghiệp của chúng ta sẽ sinh ra. Giống như lúc chúng ta buồn phiền lại gặp người cũng buồn thì cái buồn sẽ được nhân đôi, là chúng ta nhận được hai phần phiền não.

Trái lại, dùng tâm ta chiêm ngưỡng Phật, là đem tâm phiền não trần lao đến với Phật, mà gặp được tâm thanh tịnh của Phật, thì sự thanh tịnh của Ngài sẽ truyền cho ta. Thực tế các Phật tử gặp việc buồn phiền, nếu nhìn tượng Phật kỹ, lâu lần đức tướng của Phật ảnh hưởng tâm, khiến hết buồn.

Riêng Thầy, lúc còn trẻ, gặp nhiều việc khó khăn không thể tự giải quyết được, thường lạy Phật, thì mọi việc tự hóa giải, tự tốt.

Phiền não của chúng ta đem đổ trút cho Phật, cho Bồ tát, phiền não này liền biến thành công đức. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói rằng quả Bồ đề thuộc chúng sinh, vì không có chúng sinh, Bồ tát không thể hành Bồ tát đạo, không đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác. Chúng sinh, chúng sinh nghiệp, chúng sinh phiền não là chất liệu un đúc nên Bồ tát cứu nhân độ thế. Phật ví đất là chúng sinh, ví phân và nước là nghiệp và phiền não. Có con người, nghiệp và phiền não, Bồ tát mới gieo hạt Bồ đề lên được, không thể gieo hạt Bồ đề trong hư không. Phát Bồ đề tâm từ ngay chúng sinh, nhưng chúng sinh không có nghiệp và phiền não thì cũng không phát tâm tu được.

Thật vậy, hành Bồ tát đạo, độ đời, quan sát kỹ thấy đa số người đến với ta, hay những người tu hành đều có vấn đề, là có nghiệp và phiền não. Lúc ấy, họ mới đến chùa, đến với Phật để cầu cứu. Bồ tát hóa giải được việc khó cho họ, đương nhiên công đức sinh ra. Thí dụ Ni sư Tịnh Nghiêm muốn tu Pháp Hoa, hành Bồ tát đạo phải mở rộng lòng, dung được tất cả người kỳ khôi, ngang bướng. Và nếu họ phát tâm tu hành, chúng quả thì sẽ mang ơn lớn đối với Ni sư. Xá Lợi Phất cảm đức từ bi của Phật, đã nói rằng dù cho ông dùng đầu đội, vai mang Phật trải qua vô số kiếp, cũng không thể nào đền đáp được công ơn sâu nặng của Đức Thế Tôn.

Ngài Trí Giả dạy rằng trước khi lạy Phật sám hối, phải tán thán Phật. Nhìn thấy Phật hoàn toàn tốt lành, không ai tốt hơn Phật, mỗi vị Tổ sư thường sáng tác một bài kệ để ca ngợi Phật. Bài kệ tiêu biểu mà chúng ta thường tụng là:

Pháp vương vô thượng tôn

Tam giới vô luân thất

Thiên nhơn chi đạo sư

Tứ sanh chi Từ phụ

Ư nhứt niệm quy y

Năng diệt tam kỳ nghiệp

Xưng dương nhược tán thán

Ưc kiếp mạc năng tận.

Chỉ một niệm tâm nghĩ đến Phật mà tất cả nghiệp chúng ta đã tạo trong ba a tăng kỳ kiếp liền tiêu mất. Nghĩ đến Phật, không nhớ gì cả, nhứt thời nghiệp mất. Trong khoảnh khắc đó, chúng ta không còn buồn, giận, lo, sợ; tâm được thanh tịnh, nhận được Phật lực gia bị, cảm thấy như ở Niết bàn, an vui giải thoát.

Chỉ một niệm tâm nghĩ về Phật mà nghiệp tiêu tan nhanh chóng như vậy thì sao không nghĩ nhớ Phật; nghĩ đến người xấu ác hại chúng ta chỉ cho khổ. Phật tử tu hành, nhớ lời Thầy dạy, Ni sư Tịnh Nghiêm có làm điều gì mà mình không bằng lòng thì đừng nghĩ đến. Chỉ nghĩ đến Phật thôi là tốt nhất. Nghĩ đến việc xấu, người xấu để nghiệp mình sinh khởi thì dù ở trong nhà Phật cũng bị đọa. Ở chùa là nơi giải thoát mà sao chị em lại không bằng lòng nhau, giận nhau, là sai lầm lớn.

Phật nói rằng Bồ tát đi vào trần lao, nhưng thể hiện được tâm giải thoát. Còn chúng ta ở trong cảnh giải thoát mà phiền não. Bồ tát vào đời cứu độ, làm cho phiền não của chúng sinh lắng dịu, trần lao hết, là ý nghĩa Bồ tát đến đâu, sen nở đến đó. Đời là chốn bùn nhơ tội lỗi, nhưng Bồ tát vào đó làm cho sen ngát hương. Tại sao chúng ta ở chùa tu với những người xuất thế lại làm cho phiền não mình phát sinh.

Phải dẹp tâm phiền não. Ở chỗ giải thoát, chúng ta tự gom tâm mình lại một chỗ. Thầy thường tập trung tâm, mắt chỉ mở một phần ba, nhìn trước mắt thôi, không nhìn qua nhìn lại. Nhìn xung quanh là có chuyện. Tu hành, tập trung tâm vào tượng Phật đẹp tiêu biểu cho đức tướng của Như Lai mà chúng ta ưa thích, sẽ dễ dàng thanh tịnh.

Chúng ta khuôn tâm mình lại, chỉ có ta và Phật và thu hẹp lại, ta và Phật là một, vì Phật đã đem vào tâm ta. Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng Phật, tâm và chúng sinh là một. Được như vậy thì Tịnh độ tâm xuất hiện. Tu pháp này, theo kinh Pháp Hoa, ở đâu cũng được, tâm gom lại thì ở gốc cây, ở gò mả, hay ở cung điện cũng đều là đạo tràng, ngay chỗ đó có Phật ra đời, thuyết pháp và Niết bàn. Chỗ đó là chỗ tâm ta và Phật là một; nói cách khác là nhập Pháp giới. Tâm và Phật thống nhất thành một, chúng ta nhìn ra Pháp giới, nhìn ra xã hội và thiên nhiên, thấy được một màu thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả ý này qua hình ảnh Thiện Tài vào Pháp giới, tiếp xúc với tất cả mọi người bằng tâm thanh tịnh như vậy, nên Bồ tát ở nơi nào, gặp bất cứ ai cũng thấy đó là Phật. Ở trong Pháp giới, thể tánh vô sai biệt, tâm ta tốt thì đối tác của chúng ta cũng trở thành tốt.

Thầy nhận ra ý này khi đến thăm đức Hồng Y Phạm Minh Mẫn ở thành phố Hồ Chí Minh vào mùa Noel năm nay. Nói chuyện với ông, Thầy có cảm giác như nói với các vị Hòa thượng khác. Ông cho biết sang năm sẽ tổ chức lễ cầu nguyện cho những nạn nhân bị chất độc da cam, bị bệnh Aids, bị thiên tai. Và ông mời Thầy hợp tác cầu nguyện, chung sức cứu đời.

Đi vào Pháp giới theo Thiện Tài, thấy mọi người trên cuộc đời này đều tốt, không có ai xấu cả. Nếu chúng ta không có ác nghiệp, tất cả đều thanh tịnh. Không có ác nghiệp nghĩa là sao? Thực tế Thầy muốn nhắc các cô rằng đa số người tu hành nhưng cứ tạo vọng nghiệp, thì nghiệp này tự ràng buộc mình, toàn là khổ. Vì chúng ta có nghiệp, mới có yêu cầu đối với người, thì họ gây khó khăn cho ta. Không có yêu cầu, hoặc không gây tổn hại cho họ, thì ai cũng tốt với ta. Theo kinh nghiệm tu, Thầy thấy rõ những người đem sổ đi xin, gặp khó khăn vô cùng và tất nhiên là bị phiền não. Các cô đem cho, chắc chắn không ai phiền não cả, khôn hơn nữa là cho đúng cái mà người cần. Có người đến xin mà hoan hỷ là biết mình có thể vào Pháp giới. Còn người đến xin, mình cảm thấy như bị dao cắt, tự biết mình cách Phật xa. Đức Phật dạy rằng người tu hành với tâm lượng bố thí, cho đến bố thí cả thân mạng không tiếc, mới thành Phật.

Điều khó làm này chưa đạt được, thì ta làm việc nhỏ theo khả năng mình. Ai muốn hợp tác, muốn cúng thì tự đem tới, ta không đi xin. Thầy thường có nguyện rằng ai có nhân duyên với Thầy, với kinh Pháp Hoa, xin Phật khiến họ tới, Thầy sẵn lòng tiếp đón. Có người hỏi tại sao Thầy dung được người hung dữ. Đối với Thầy, Phật khiến họ tới thì sao lại không dung. Thầy tin rằng người hiền hay dữ, người đến xin cũng như người đến cúng dường đều do Phật khiến đến; tùy theo đó chúng ta đối xử cho tốt đẹp. Có một hôm, khoảng bảy, tám giờ tối, một ông say rượu đập cửa xin tiền Thầy để uống rượu! Thầy mỉm cười, mình đang ngồi Thiền, Phật khiến sứ giả này đến phá rối đây, mình nên đáp ứng yêu cầu. Thầy chỉ cho vài đồng là ông ta cúi đầu cảm ơn, đi liền. Giải quyết như vậy nhẹ nhàng quá, không tốt sao. Còn bực mình chửi mắng họ, thì ta mang tội khẩu nghiệp. Còn giận tức họ, tâm phiền não, không Thiền được; cứ nghĩ đến ông say rượu khuấy phá giờ tu của mình là giận, sẽ kết thành quả báo trong tâm mình, để rồi ngày nào đó, mình cũng say rượu đi xin như vậy. Người đời cũng thường nói ghét cái nào trời trao cái đó.

Trở lại pháp tu sám hối, trước nhất phải xưng tán Phật, kế tiếp mới thành khẩn lạy Phật. Thứ ba là sám hối tội căn; tất cả những việc sai lầm của mình, xin Phật từ bi chỉ dạy và nguyện chừa bỏ. Thứ tư đến phần phát nguyện làm theo Phật, nghĩ theo Phật, nói theo Phật. Và sau cùng là hồi hướng; bao nhiêu công đức mà ta tu được trong đời này xin hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Tuy nói rằng tu một pháp sám hối, nhưng thật ra đã tu cả năm pháp: Tán thán, lễ Phật, sám hối, phát nguyện và hồi hướng.

Trong mùa tu Gia hạnh năm nay, Thầy chọn pháp lạy sám hối hồng danh. Trước kia, đạo tràng chúng ta lạy sám hối Hồng danh Pháp Hoa, nhưng Thầy nhận thấy ở Việt Nam, nhiều người lạy sám hối Hồng danh, nên Thầy soạn dịch để Tăng Ni, Phật tử kết duyên tu được.

Trong phần mở đầu, tán thán Phật, Thầy soạn bài kệ ca ngợi Phật theo tinh thần Pháp Hoa:

Tâm Thế Tôn mảy trần không bận

Thân của Ngài vô tận phước lành

Từ bi cứu khổ độ sanh

Chúng con đành lễ chí thành quy y.

Trước khi đánh lễ Phật, mắt nhìn phước tướng trang nghiêm của Ngài, tâm nghĩ đến hạnh đức của Ngài, cảm nhận sâu sắc rằng Đức Phật của chúng ta sao mà siêu tuyệt như thế, công đức vô lượng vô biên của Phật tỏa sáng muôn đời. Vì thế, chúng ta chỉ nương Phật tu, được Ngài chia sẻ, cứu giúp chúng ta, tạo điều kiện cho ta tu hành; nhưng Phật không đòi hỏi gì ở ta cả. Chúng ta mới thốt lên từ đáy lòng lời kính phục Đức Phật rằng tâm của Ngài hoàn toàn trong sạch, không bận một mảy trần. Nhìn thấy phước tướng Phật, nghĩ về Phật trọn lành như thế, trên bước đường tu, chúng ta điều chỉnh lời nói việc làm, suy nghĩ của mình theo Phật, không đòi hỏi gì ở người, mà chỉ làm an vui cho người.

Trong sám hối Hồng danh, từ Phật Phổ Quang đến cuối, tổng cộng có 88 vị Phật tiêu biểu cho tất cả hạnh nguyện của các vị Bồ tát. Phật Thích Ca dạy rằng chỉ cần đánh lễ 88 vị Phật trong Hồng danh sám hối, thì tất cả nghiệp a tăng kỳ là nghiệp ác mà chúng ta tạo từ vô số kiếp đều tiêu tan, để đi vào Phật thừa.

Tất cả nghiệp ác được tiêu trừ vì ta đã gởi tất cả nghiệp này cho Phật. Phật nhận nghiệp của ta và trao trả cho ta công đức. Và có công đức, ta mới giáo hóa chúng sinh được. Còn mang nghiệp mà đến giáo hóa thì nghiệp ta và nghiệp chúng sinh gặp nhau, chỉ tạo thêm nghiệp mà thôi.

Lạy Phật sám hối, ta gởi nghiệp cho Phật giữ và Ngài chuyển đổi nghiệp thành công đức. Ví như nước và phân hôi dơ không thể chịu nổi, nhưng gởi cho Phật để Ngài tưới cây Bồ đề thì nó sẽ rất hữu dụng, làm cho cây xanh tươi. Cũng vậy, khi sám hối, chúng ta hết lòng cầu thỉnh chư Phật tập trung về để chúng ta đánh lễ các Ngài. Lạy chư Phật bằng tất cả tâm thành rồi, chúng ta trình thưa rằng con có bao nhiêu phiền não, nghiệp ác xin gởi hết cho các Ngài, các Ngài đem những thứ như bản này bón cây Bồ đề, đổi thành công đức cho con. Nhờ vậy, tâm chúng ta sáng suốt, không phiền não, thân không bệnh hoạn. Cuộc đời chúng ta đã được Phật thay đổi tốt đẹp, có được công đức, người nhìn thấy nghĩ ta là sứ giả Như Lai, nên họ tiếp đãi tử tế, nghe lời ta chỉ dạy. Người còn ghét bỏ thì phải lo sám hối cho tiêu nghiệp.

Phát xuất từ đáy lòng sự cảm nhận sâu sắc về Phật như vậy, chúng ta phát nguyện:

Con nay phát tâm không vì tự cầu phước báo nhơn thiên, Thanh văn, Duyên giác, cho đến quyền thừa Bồ tát, quyết lòng cầu Tối thượng thừa. Nguyên cùng pháp giới chúng sinh đồng chúng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Câu mở đầu này của Hồng danh sám hối, Thầy dịch ra từ chữ Hán. Mới đọc câu này, Thầy cũng thấy hơi nặng lòng. Tại sao chúng ta không cầu phước báo nhơn thiên, không cầu quả vị Thanh văn, Duyên giác, cho đến quả vị của quyền thừa Bồ tát; nghĩa là không cầu tam thừa giáo, mà cầu nhưt Phật thừa là cầu kinh Pháp Hoa?

Mặc dù nói không cần những phước báo này, nhưng quả thật để tạo được nó trên cuộc đời này là việc không đơn giản. Thật vậy, chỉ nói riêng về phước báo nhơn thiên, có thể kể năm thứ tiêu biểu, một là tâm an lành, hai là thân khỏe mạnh, ba là bạn bè đối xử tốt, bốn là tiền của nhiều, năm là có trí thông minh. Giả sử như các cô ra đời đi làm thuê, để tạo sự nghiệp trên cuộc đời, có được ba điều của người thế gian là thông minh, tiền của nhiều và địa vị cao trong xã hội. Thiết nghĩ hết kiếp này cho đến kiếp sau, cũng không có nổi ba việc đó.

Phước báo nhơn thiên, Thanh văn, Duyên giác, quyền thừa Bồ tát cần thiết cho việc tu; nhưng chúng ta không dừng lại ở đây. Đối với phước báo nhơn thiên, không phải không cần; nhưng có cũng được mà không thì cũng chẳng sao, không nhọc công bôn ba tìm nó, vì đó không phải là mục tiêu của người xuất gia. Đối với người tu, thật lòng mà nói thì trôi lăn trong sinh tử luân hồi, không biết bao giờ thoát ra được là điều đáng sợ; vì thế chúng ta không lo toan tìm cầu phước báo nhơn thiên.

Phật tử đi chùa đều cầu được giàu có, khỏe mạnh, thông minh, nói chung là cầu đủ thứ phước. Được như vậy cũng tốt. Tuy nhiên, tu Pháp Hoa, chúng ta đi tắt, không cầu phước báo nhơn thiên, mà cầu Tối thượng thừa. Vì ta biết tự mình làm không được, nhưng dựa vào uy thế của Phật để phát huy khả năng mình thì nhất định tiến lên được. Thấy làm nhiều việc, thăng hoa nhanh, vì biết dựa vào uy đức của các Hòa thượng lớn để phát triển năng lực của Thầy. Nếu không nương các Ngài, mới tốt nghiệp, về nước thì ai biết Thầy. Kinh nghiệm của Thầy lúc còn trẻ, làm việc mà Hòa thượng Thiện Hoa dạy bảo thì người quen biết Hòa thượng liền giúp đỡ. Làm việc mà Hòa thượng Trí Thủ bảo làm, thì người quen của Ngài liền hợp tác với Thầy. Gần đây, Thầy làm dưới sự chỉ đạo của Hòa thượng Thiện Hào thì những người làm việc chung với Hòa thượng trong Mật trận cũng hỗ trợ Thầy.

Lạy Hồng danh sám hối, phát nguyện không cầu quả nhỏ, nhưng cầu Nhưt Phật thừa, Tối thượng thừa, chỉ làm việc cho Phật, công đức sinh ra cho chúng ta nhiều hơn. Vì nhận thức sâu sắc rằng nếu không được Phật hộ niệm, từng bước tự đi lên, phải đầu tắt mặt tối cả đời, nhưng chỉ một quyết định sai lầm là mất hết và những của cải tạo được bo bo giữ cũng mất trắng.

Làm cho Phật thì không cần lo, mà được công đức vô cùng. Chùa chiền, của cải, mọi thứ đã có Hộ pháp Long thiên hay thần Kim Cang giữ gìn. Vì các Ngài đã phát nguyện giữ gìn những gì của Phật. Của riêng ta, thì các Ngài chẳng quan tâm đến đâu. Thầy nghiệm thấy điều này rất rõ, tu Nhứt thừa, hay tu Pháp Hoa, là tu với Phật, làm tô cho Phật, truyền bá pháp của Phật, làm đúng hướng Phật dạy, Ngài sẽ khiến Hộ pháp thiện thần bảo vệ, kể cả Bồ tát Tỳ lưu địa cũng xuất cung hộ trì chúng ta, mang đến những thứ cần thiết cho ta trên bước đường hành Bồ tát đạo.

Nương vào sức gia trì của các Ngài, chúng ta tạo được công đức bất khả tư nghì, tưởng không làm được mà lại thành tựu dễ dàng. Kinh Pháp Hoa nói rằng không cầu, nhưng tự nhiên được, đó là phước báo của chư Phật cho ta, khác với phước báo Nhơn thiên mà chúng ta tự làm. Phước báo Nhơn thiên phải làm cực khổ mới có được, nhưng hưởng không được bao nhiêu, nay còn mai mất.

Đức Phật có vô lượng công đức, có uy đức vô cùng. Chúng ta chỉ hết lòng làm cho Phật là được hưởng công đức của Ngài. Thầy nhắc lại phẩm Tín Giải trong kinh Pháp Hoa nói về thí dụ giả cùng tử được Phật thọ ký, vì ông là người tốt, không giống những người làm công hèn hạ. Tu Pháp Hoa phải nhớ ý này, phải là người tốt, không hèn hạ. Người hèn hạ thì vào chùa tu, lừa dối, nhưng muốn hưởng thụ. Họ làm ít, muốn hưởng nhiều; việc có quyền lợi thì xen vào, việc khó thì lánh mặt.

Chúng ta không phải loại người như thế, vì tu theo Phật, thấy rõ cuộc sống không cần nhu cầu lớn lao gì. Ăn mặc không bao nhiêu, ở không cần rộng, dành thì giờ phục vụ Phật pháp để tạo công đức. Cuộc đời Thầy thích làm công đức cho Phật, không thích làm cho mình; nhờ vậy, Phật thương mới hộ niệm. Trong khi người khác mưu cầu đủ thứ, nhưng không được gì. Người ăn bám, lợi dụng Phật, cuộc đời sẽ tệ hại. Người hết lòng lo cho Tam Bảo, thay Phật cứu giúp chúng sinh, được Phật hộ niệm, thành tựu những việc lớn vượt ngoài khả năng bình thường. Thực tế cho thấy các Thầy cô làm từ thiện, cứu nhân độ thế, thật sự không có tiền, nhưng làm bao nhiêu việc giúp người cũng có đủ.

Tu hồi hướng cho chúng sinh, để họ hết nghiệp, sinh được phước và trở thành quyến thuộc Bồ đề của chúng ta, cùng nhau tu hành; đó là xây dựng thế giới Pháp Hoa. Vì chúng sinh nghiệp nặng quá, không thấy Phật thì sao tu. Nói cho dễ hiểu, họ không biết cách tạo ra của cải, nên họ đầu tư bao nhiêu tiền cũng mất hết. Chúng ta biết làm ra của cải, nói cách khác, là ta tu đúng và có kết quả. Người khổ đến lạy Phật, Bồ tát và nhờ Thầy cứu giúp. Thầy hồi hướng công đức cho họ, nhờ đó, họ an lành, đời sống vật chất khá lên, mới phát tâm tu theo. Đó là cách tu hồi hướng theo Tích môn của Ngài Trí Giả dạy.

Thực tế Thầy đã thể nghiệm pháp tu này. Gặp một số Thầy cô sân si quá, Thầy chỉ yên lặng, sám hối thay cho họ, phát nguyện tu thay cho họ, hồi hướng công đức cho họ. Một thời gian sau, trong số họ có người đến thưa với Thầy rằng "Con được bình yên, đã cất chùa rồi, xin cho con thọ pháp với Thầy".

Trong mùa tu Gia hạnh, Thầy cầu mong tất cả đại chúng trong đạo tràng Pháp Hoa từ Nam đến Bắc đều gặt hái được nhiều kết quả tốt đẹp. Mọi người đều gởi nghiệp cho Phật và nhận được công đức của Phật trao cho.

Ý Nghĩa tụng Kinh Dược Sư Và Niệm Phật Dược Sư

Đức Phật Thích Ca cho biết trong thế giới mười phương đều có vô số các Đức Phật. Và Ngài giới thiệu cho chúng ta hai vị Phật đặc biệt có duyên với chúng sinh ở Ta bà. Đó là Đức Phật Di Đà ở thế giới phương Tây và Đức Phật Dược Sư ở thế giới phương Đông.

Hai vị Phật Di Đà và Dược Sư cũng phát xuất từ con người như chúng ta, cũng bị vô minh ngăn che, phiền não quấy rối. Nhưng các Ngài khác chúng ta ở điểm đã chuyển hóa những hiểu biết sai lầm của con người thành hiểu biết đúng đắn hoàn toàn và chuyển đổi những việc làm xấu trở thành công đức, cũng như đã phát huy được ba nghiệp thân khẩu ý đến mức thanh tịnh hoàn toàn, sáng suốt trọn vẹn và thành tựu nhiều việc làm lợi ích cho cuộc đời. Những thành quả tuyệt vời như thế trên bước đường hành Bồ tát đạo mới tạo thành quả vị Phật của Đức Di Đà và Đức Dược Sư.

Phật Thích Ca đến thành Quảng Nghiêm, nói kinh Dược Sư dưới cây Tiếng Nhạc là cây Thông. Phật thuyết pháp trong rừng thông, gió lay động làm tiếng thông reo, người có tâm thanh tịnh cảm nhận như là tiếng nhạc Trời.

Thành Quảng Nghiêm là tên khác của thành Tỳ Da Ly, nơi Phật đã thuyết kinh Duy Ma. Đây là thành phố tương đối văn minh, sạch đẹp, con người và thiên nhiên sống hài hòa với nhau. Đức Phật đưa đại chúng đến thành phố an vui, để nói việc vui; Phật thuyết pháp tùy duyên là như thế.

Đến thành Quảng Nghiêm, một cảnh vui tươi, an lạc, khác với cảnh chết người của thành Vương Xá, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hỏi Phật về Tịnh độ của các Đức Phật; nói cách khác, ngoài thành này còn có thành nào tốt đẹp hơn nữa hay không.

Đức Phật trả lời rằng từ đây hướng đến phương Đông cách mười muôn ức cõi nước chư Phật, có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly. Giáo chủ cõi này là Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai. Khi còn tu hạnh Bồ tát, Ngài có mười hai lời nguyện, để cứu giúp mọi người có được cuộc sống vật chất và tinh thần tốt đẹp nhất.

Đức Phật đã giới thiệu thế giới Tịnh Lưu Ly cách chúng ta rất xa, xa đến mười muôn ức thế giới và cũng đẹp như thế giới Cực Lạc của Đức Phật Di Đà. Tuy nhiên, hai thế giới này có hai mô hình khác nhau, có cách trang nghiêm khác nhau; vì mỗi vị Phật có tâm nguyện, hạnh nguyện khác nhau, tức nhân địa tu hành Bồ tát đạo của hai vị này khác nhau. Tuy nhiên, dù khác thế nào chăng nữa, thế giới của các Đức Phật cũng đều hoàn toàn tốt đẹp.

Đức Phật Dược Sư xây dựng thế giới Tịnh Lưu Ly trên căn bản của 12 lời nguyện, trong đó cũng có những nguyện giống với 48 nguyện của Đức Phật Di Đà. 12 lời nguyện này để ứng vào hoàn cảnh xã hội và yêu cầu của mọi người ở Ta bà. Chúng ta còn nhớ Đức Phật Thích Ca xưa kia phát Bồ đề tâm hành Bồ tát đạo, tình thương của Bồ tát rất lớn và đối tượng của tình thương đó là chúng sinh đau khổ vô cùng. Thấy chúng sinh khổ thì thương, nhưng khả năng còn giới hạn, làm sao cứu được. Đức Phật Thích Ca cũng nguyện thành Vô thượng Đẳng giác, nghĩa là có đầy đủ khả năng cứu giúp, mới trở lại độ chúng sinh. Phật Dược Sư cũng phát nguyện như vậy và 12 lời nguyện của Ngài rất thực trong cuộc sống.

Nguyện thứ nhất, Đức Dược Sư phát nguyện chúng được Vô thượng Bồ đề là đạt được trí tuệ tột đỉnh để giúp cho mọi người hết khổ, được an vui và họ biết phục vụ lại người khác. Vì Ngài biết rõ tất cả chúng ta đều có khả năng mang an vui, hạnh phúc cho mình, cho người; nhưng vì thiếu trí tuệ, bị vô minh ngăn che, nên không thể giải thoát, không làm được việc lợi ích cho đời.

Thời Phật Dược Sư xa xưa vậy mà Ngài đã biết được lợi ích vô cùng của trí tuệ. Ngày nay chúng ta dễ dàng nhận thấy sức mạnh của con người không bằng con hổ, con voi, nhưng không chế được chúng nhờ trí tuệ.

Và thời hiện đại là thời văn minh khoa học, cũng do trí tuệ loài người được phát huy cao, nên tạo ra được những tiện nghi tốt đẹp cho cuộc sống của con người. Nhưng loài người phát huy trí tuệ mà không có tình thương chỉ đạo, không hướng đến việc phục vụ con người một cách tốt đẹp, mà lại gây ra đau khổ rất nhiều cho chính con người và cho muôn loài. Thí dụ con người tìm ra nguyên tử năng là sức mạnh lớn nhất, nhưng không sử dụng để phục vụ hoàn toàn cho con người; trái lại, dùng nó để giết người. Điển hình là hàng triệu người chết vì bom nguyên tử thả xuống Hiroshima và Nagasaki ở Nhật Bản. Hoặc trong chiến tranh Việt Nam, người Mỹ cũng sử dụng vũ

khí hiện đại là chất độc da cam, khiến cho chiến tranh chấm dứt đã 30 năm mà vẫn còn để lại hậu quả thật là thảm khốc cho nhiều người.

Trí tuệ con người phải kèm theo lòng từ bi mới có thể phục vụ lợi ích cho nhân loại. Xây dựng thế giới Tịnh Lưu Ly, Đức Phật Dược Sư phát nguyện phát huy hiểu biết cao nhất để phục vụ cho người dân ở đó được hưởng cuộc sống sung sướng nhất. Thế giới Cực Lạc của Đức Phật Di Đà cũng vậy. Đó là hai mô hình thế giới văn minh của Phật chỉ có tình thương và xây dựng hạnh phúc tối đa cho người dân; ở Tịnh độ đó không có ác độc, nguy hiểm, giết người, đói khát, bệnh tật, đau khổ, v.v... như thế giới văn minh của loài người ngày nay thường hủy diệt mạng sống của con người và các loài hữu tình khác, cũng như gây ra vô số bệnh tật quái ác, tạo ra những rủi ro vô cùng, hiểm nguy vô tận.

Bồ tát muốn cứu chúng sinh, phải có trí tuệ cao nhất để khai thác tài nguyên trong không gian, trong lòng đất nhằm phục vụ con người mà không gây thiệt hại cho các loài, cho sự sống của trái đất. Và Đức Phật Dược Sư đã đạt được mục tiêu đó. Ngài chuyển những khó khăn thành tiện nghi tốt nhất của thế giới thuần tịnh, cũng đẹp nhất và an vui nhất như Cực Lạc vậy.

Tụng kinh Dược Sư, niệm Phật Dược Sư, nghĩ đến lời nguyện thứ nhất của Đức Dược Sư, chúng ta nỗ lực nâng hiểu biết của mình lên đến tầm cao. Giả sử chúng ta sinh về đó, cũng để học hỏi, thực hành và xây dựng được thế giới văn minh như Đức Phật Dược Sư; không phải để hưởng thụ. Thật vậy, Tịnh độ của Đức Phật Dược Sư có những vị Bồ tát như Nhứt Quang, Nguyệt Quang, Dược Vương, Dược Thượng, Bảo Đàn Hoa ... và nhiều vị Bồ tát lớn. Các Ngài là những bậc Thầy có trí tuệ tuyệt vời để chúng ta theo học, chắc chắn việc kiến tạo những Tịnh độ không phải là việc làm ngoài tầm tay của chúng ta.

Nguyện thứ hai của Đức Phật Dược Sư là có được thân như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt, tinh sạch hoàn toàn, hào quang chiếu mười phương khiến cho chúng hữu tình trông thấy là được an lành. Người Ta bà phát triển trí tuệ, nhưng thân tâm ác độc, ô uế, nên đã tạo ra khổ đau cho nhau. Thực tế cho thấy con người càng khôn thì càng làm khổ nhiều người. Ngày xưa, con người đánh nhau bằng tay, sau đánh bằng đá, cho đến bằng gươm giáo và tiến đến súng đạn, vũ khí tàn phá giết người hàng loạt. Văn minh kèm theo tâm tham vọng và sự ác độc đã gây tác hại vô cùng cho chính con người và cho mọi loài.

Nguyện thứ hai của Đức Phật Dược Sư rất hay, nên Thầy cũng phát nguyện tu theo. Thân tâm của Đức Phật Dược Sư tinh sạch hoàn toàn, đọc đến đây, tự xét thân và tâm chúng ta có tỳ vết hay không, để chúng ta bắt đầu điều chỉnh, sửa lần.

Tâm trong sạch là không phiền não, nghiệp chướng, trần lao. Còn ba thứ này là có tỳ vết. Và tất nhiên người thấy tỳ vết của ta, họ sẽ chỉ trích. Tu hành, chấp nhận sự phê phán của người, không buồn giận; nhưng cảm ơn họ, vì ta không thể thấy lỗi của mình. Họ không thích, không kính, vì ta có lời nói không êm tai, mát lòng tiêu biểu cho khẩu nghiệp. Từ khẩu nghiệp, mới tạo thành ngôn ngữ mà người không chấp nhận. Còn thân nghiệp vì mình đã tạo nhiều tội, nên thân hôi dơ, xấu xí, bệnh hoạn.

Vì thế, tu hành, chúng ta chuyển đổi nghiệp thân thành thân công đức, bằng cách dùng thân này phục vụ chúng sinh hay xã hội. Thấy thấy nhiều người có ngoại hình không đẹp, nhưng họ biết tu, lo phục vụ người khác; đó là dùng công đức trang nghiêm thân, nên họ cũng được nhiều người quý mến. Thấy có kinh nghiệm pháp tu này. Lúc còn là học Tăng, Thầy lo quét dọn sạch sẽ nhà vệ sinh của đại chúng. Chắc chắn đại chúng không cần mình đẹp, chỉ cần nhà vệ sinh sạch đẹp. Thầy đã nhiệt tình và vui vẻ làm công việc này, mọi người đều thọ ơn, nên họ thương quý Thầy. Do làm công việc tốt mà nhận được cảm tình của người khác là dùng công đức trang nghiêm. Người nghĩ đến ta, hay nhìn thấy ta là thấy việc tốt của ta. Chúng ta tu hành không có gì trang nghiêm, làm sao người thương. Phải dùng công đức trang nghiêm như Đức Phật Dược Sư. Về thân bên ngoài, dễ thấy nhất, nên lo phục vụ, không gây phiền hà thì người ta sẽ nghĩ mình tốt, biết lo cho mọi người.

Đọc kinh Dược Sư, niệm Phật Dược Sư, chúng ta phải sửa đổi thân cho trong sạch và nhờ người phát hiện chỉ giùm. Khi có được thân tốt rồi, nghĩa là không ai chê trách. Chúng ta không làm gì lợi ích cho người, nhưng cũng không làm phiền ai; đó là giai đoạn tu Tiểu thừa. Nhưng sang bước thứ hai, tu Đại thừa, phải dùng công đức trang nghiêm, tức làm việc tốt để trang nghiêm thân. Tinh thần này của Bồ tát được Tổ sư dạy trong bài sám Quy mạng rằng "Kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát Bồ đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ ...", nghĩa là ta thành tựu được nhiều việc tốt lành đến mức người trông thấy, hoặc chỉ nghe đến tên, họ cũng phát tâm Bồ đề, mãi mãi thoát khỏi khổ đau của kiếp sống luân hồi.

Chúng ta theo Đức Phật Dược Sư phát nguyện tu hành, chuyển hóa thân mình cho trong sạch, dùng giới đức trang nghiêm thân, người ngoài không chỉ trích được. Ngoài ra, làm nhiều việc lợi ích cho đời, khiến người phát tâm là đã thể hiện phần nào ý nghĩa của Đức Dược Sư nguyện "Chúng hữu tình ở nơi tăm tối cũng thấy thân ta và được an lành".

Song song với thân trong sạch, sâu kín trong tâm chúng ta, cũng nhận chân được tâm duyên khởi lên vọng tưởng điên đảo, hay tâm lắng yên. Phải giữ cho tâm trí lắng yên. Chúng ta tụng kinh, lễ Phật, kinh hành, ăn uống, v.v... , nói chung, mọi sinh hoạt đều phải ở trong trạng thái tĩnh thức, tâm trí lắng yên.

Thí dụ, ăn thì lo ăn, không nghĩ ngon dở; vì tâm lắng yên, không phân biệt thức ăn. Chỉ cần ăn để sống, là ăn trong tĩnh thức, tâm không phân biệt là không vọng niệm, nên thức ăn ngon dở cũng vậy. Còn khởi tâm thức ăn dở thì nuốt không vô.

Tụng kinh cũng vậy, tập trung tâm trí, theo dõi lời Phật dạy, suy nghĩ về những lời nguyện của Đức Dược Sư như thế nào mà Ngài thành Phật. Đức Phật Thích Ca nói về việc làm của Đức Phật Dược Sư để nhắc nhở chúng ta làm theo Ngài. Nói cách khác, Đức Phật đưa ra mẫu người tiêu biểu là Đức Phật Dược Sư nhằm dạy chúng ta hành Bồ tát đạo, để tự trang nghiêm mình, trong tương lai chúng ta cũng đạt được quả vị như Đức Phật Dược Sư.

Nguyện thứ ba của Đức Phật Dược Sư là sử dụng được phương tiện; vì thông minh và đạo đức, nhưng không có phương tiện, không làm được. Thí dụ, phải có bình lọc nước là phương tiện để lọc nước cho sạch; cũng vậy, tâm người dơ bẩn thì phải có pháp để thanh lọc tâm cho trong sạch.

Vì thế, Đức Phật Thích Ca khẳng định rằng vì chúng sinh nhiều nghiệp chướng, nên Ngài đưa ra nhiều pháp môn là những phương tiện tu để hóa giải. Điển hình như trước kia Đức Phật không theo pháp tu khổ hạnh nữa, khiến năm anh em Kiều Trần Như nghĩ xấu về Ngài. Đến khi Đức Phật thành đạo, Ngài trở lại giáo hóa năm vị này. Họ nhận thấy Phật thân tâm thanh tịnh, nên tôn kính, mới độ được họ. Đức Phật tìm được phương pháp tu để hóa giải những suy nghĩ cố chấp của họ, giúp họ đắc được quả vị La hán.

Ngày nay, hành đạo Bồ tát ở Ta bà, đối tượng của chúng ta là chúng sinh, chúng sinh nghiệp, chúng sinh phiền não. Niệm Phật Dược Sư, nhớ nghĩ đến lời nguyện thứ ba của Ngài, chúng ta cũng cố gắng tìm cách tốt nhất để hóa giải chúng sinh, chúng sinh nghiệp, chúng sinh phiền não. Nếu chưa hóa giải được ba thứ này trở nên tốt đẹp, chúng ta cũng không cho chúng tác hại tâm mình.

Nguyện thứ tư, nếu có người theo tà đạo, Đức Dược Sư khiến họ trở về chánh đạo. Nếu theo nhị thừa, Ngài khiến họ cầu Vô thượng giác. Phải có khả năng, uy tín, đạo lực, mới chuyển đổi được người khác đi theo con đường chân chánh. Không đủ uy tín, đạo lực mà nói là bị họ giết, như ở Ấn Độ có 93 tôn giáo, trong đó có nhiều người rất ác; nói khác là họ giết liền.

Xưa kia, Đức Phật Thích Ca cảm hóa được hàng tà đạo, người mê tín, vì Ngài có đủ ba nguyện đầu tiên giống như Đức Phật Dược Sư. Ngày nay, cũng có tà đạo rất nhiều. Tà đạo làm sai trái và dọa nạt người. Đức Dược Sư nhận thấy rõ khi tu Bồ tát đạo, nói họ không nghe, còn bị giết. Vì thế, Ngài nguyện rằng sau khi thành Phật, Ngài sẽ giáo hóa những người xấu ác này. Với người theo tà đạo, Ngài khiến họ trở về chánh đạo. Người tu nhị thừa, hay Thanh văn thì chỉ nhận, không cho, khát thực xong rồi tu cho riêng họ. Duyên giác thì lo phát huy hiểu biết của tự thân. Sống trong xã hội, nếu mọi

người chỉ lo riêng bản thân mình, dễ tạo ra sự tranh chấp. Thấy như vậy, Đức Phật Dược Sư nguyện chuyển tâm ích kỷ của người thành tâm vị tha, tức cầu Vô thượng giác. Phát Bồ đề tâm, thấy được lợi ích vô cùng của sinh hoạt toàn diện hài hòa là vô ngã vị tha và phát huy mọi việc làm theo hướng kết hợp tất cả cùng thăng hoa. Tuy nhiên, muốn làm được việc chung như thế, bản thân ta phải làm trước, phải có nhận thức đúng đắn nhất, đời sống cao thượng nhất và đầy đủ phương tiện nhất, thì người mới theo. Nói cách khác, phải thành tựu ba điều đầu tiên như Đức Dược Sư là trí tuệ tuyệt đỉnh, thân như ngọc lưu ly và đủ phương tiện trí, mới làm được việc thứ tư là chuyển hóa được ngoại đạo và nhị thừa.

Tụng kinh Dược Sư, nghĩ đến nguyện thứ tư của Ngài, chúng ta từ bỏ tâm ích kỷ để cùng sống hài hòa với đại chúng, phát huy tâm vô ngã vị tha trên bước đường tiến đến Vô thượng Bồ đề.

Nguyện thứ năm, với người tu nhị thừa, đức Dược Sư khiến họ phát tâm Bồ đề và phát tâm rồi, Ngài khiến họ có được tam tụ tịnh giới.

Chưa thành Phật, chúng ta có lúc tốt, lúc xấu. Nhưng không tốt là hủ phạm thì堕 vào ba đường ác. Thí dụ người cúng dường, bố thí một khoảng thời gian lại khởi ác tâm, tức tâm đã thay đổi. Nhẹ nhất là thoái Bồ đề tâm, từ bỏ tâm vị tha, theo cách sống vị kỷ; nhưng hậu quả tệ hơn nữa là thân bệnh hoạn, tâm buồn phiền, hoàn cảnh sống khó khăn thêm.

Khi thoái tâm, phạm sai lầm như vậy, đáng lẽ bị堕 ác đạo; nhưng ta nhớ đến Đức Phật Dược Sư có trí tuệ tuyệt vời và công đức giáo hóa vô cùng, thì tiến tu trở lại được và thân tâm ta cũng được thanh tịnh.

Nguyện thứ sáu, Đức Phật Dược Sư thấy trên cuộc đời này có nhiều người thân hình xấu xí, bị người khinh chê, ruồng bỏ, vì tai điếc, mắt mù, nói năng ngọng liệu, tay chân tật nguyên, lác hủi, điên cuồng. Những người này đau khổ, họ càng ác nữa, thì sẽ bị堕. Đức Phật Dược Sư nghĩ cứu họ, vì Ngài có trí phương tiện, là có cách giải quyết cho họ thoát khổ.

Nhắc đến nguyện này của Đức Dược Sư, chúng ta nhớ lại Đức Phật Thích Ca khen ngợi việc làm lợi ích của các Bồ tát. Lúc ấy các vị Tỳ kheo mới nói với Phật rằng họ đã xuất gia, không còn tài sản thì phát tâm Bồ đề làm được gì. Phật trả lời chỉ sợ tâm hạ liệt của các ông thôi, nếu có tâm cứu giúp vẫn làm được. Tìm đối tượng thấp hơn để dạy dỗ, họ vẫn nghe. Thí dụ ở thành phố không bằng ai, nhưng các Thầy cô trẻ về vùng sâu, vùng dân tộc, chắc chắn giảng được. Mỗi người đều có ưu điểm riêng và vận dụng ưu điểm đó thì ai cũng làm được. Phật dạy các vị Tỳ kheo khát thực có nhiều thức ăn, có thể chia sẻ cho người khác, hay cho chim ăn vài hột cơm vẫn được.

Đức Phật Dược Sư có trí phương tiện để giúp đỡ, chuyển đổi cuộc sống của người ăn hại trở thành người hướng đến Vô thượng Bồ đề, là người tốt.

Nếu biết tu, sống theo lời Phật dạy, lần lần cũng được giải thoát. Kinh Pháp Hoa nhắc rằng gả cùng tử nghèo khổ vào chùa ở, chỉ quét lá cũng có cơm ăn, chỗ ở, áo mặc. Nhưng nếu biết tiết giảm sự tiêu xài, có được thặng dư, vẫn giúp người khác được.

Niệm Phật Dược Sư, chúng ta noi theo gương tốt của Ngài, giúp đỡ những người kém may mắn hơn ta. Tùy phước báo, uy tín, khả năng của mỗi người chúng ta mà đóng góp cho những mảnh đời bất hạnh có được nụ cười hạnh phúc, chắc hẳn Phật Dược Sư cũng đưa tay dẫn chúng ta tiến thêm trên con đường tốt lành này.

Nguyện thứ bảy, với những người bị bệnh hiểm nguy, lại nghèo khổ, không nhờ vả ai được, vì mọi người đều xa lánh họ. Phật Dược Sư tìm cách cứu giúp họ thoát khỏi bệnh, thân tâm được thanh tịnh, được mọi người thương yêu gần gũi.

Ngày nay, lời nguyện này của Đức Phật Dược Sư được thể hiện qua hình ảnh từ bi của các nhà sư Thái Lan dấn thân vào hoạt động cứu giúp những người mắc bệnh Aids. Tại những trung tâm do các nhà sư xây dựng và điều hành, tình thương vô ngã vị tha của người đệ tử Phật đã ban phát cho những người mắc căn bệnh quái ác của thế kỷ, mà ít ai dám gần gũi. Các sư đã hướng dẫn bệnh nhân áp dụng pháp Phật, để cắt được cơn đau hành hạ thân xác, giải tỏa được tâm khổ đau vì bệnh nghiệp và chuẩn bị tinh thần cho họ xả thân được nhẹ nhàng khi rời bỏ kiếp người tạm bợ này đến một thế giới an lành.

Nguyện thứ tám, với người mang thân phụ nữ chịu nhiều đau khổ, Phật Dược Sư cũng có cách hướng dẫn họ tu hành, chuyển thành thân nam, bằng cách chuyển đổi tâm người nữ và chuyển nghiệp của người nữ.

Tâm người nữ là tâm yếu đuối, cần người chăm sóc. Nay nương theo Đức Phật Dược Sư, tự phấn đấu đi lên. Sinh hoạt thực tế cho thấy cũng có những phụ nữ làm được nhiều việc quan trọng hơn nam giới. Vì vậy, người nữ cần thay đổi tánh yếu hèn và nỗ lực vươn lên để tạo nam tính. Chuyển nữ thành nam bằng cách phát huy trí tuệ, thấp nhất cũng có việc làm, cao hơn là giữ vị trí lãnh đạo cao cấp trong xã hội như làm Tổng Thống, Bộ trưởng, Chủ tịch, v.v... , tức thể hiện được trí tuệ và phước báo hơn người. Tuy mang thân phụ nữ, nhưng ý chí như đàn ông, là đã tạo được những yếu tố cần có của nam giới.

Trước khi tu, nghĩ rằng cần lập gia đình để sống, cần có người bạn đời để nương tựa, cần có những tình cảm ủy mị. Nhưng tu theo Phật Dược Sư, người phụ nữ phát tâm làm việc từ thiện, giúp đỡ người khác, biết tự sống độc lập, tự tạo sự nghiệp bằng chính đôi tay và khối óc của mình, biết tự tạo cho mình niềm vui trong cuộc sống, biết vui với cái vui của người khác, v.v...

Nguyên thứ chín, nếu có người sa vào lưới ma, bị tà giáo ràng buộc, Đức Phật Dược Sư hóa giải cho họ không còn sợ kẻ tà. Làm được như vậy, vì Đức Dược Sư có uy lực lớn hơn kẻ tà, thì họ mới sợ và Ngài mới khuyên được họ từ bỏ con đường tà. Ngài chuyển tâm họ hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác, nhờ sống trong chánh pháp, nên kẻ tà ác không hại được, gọi là tà bất cảm chánh.

Nguyên thứ mười, với những người phạm phải sai lầm, bị giam cầm, Đức Phật Dược Sư có nguyện lớn cứu những người vô minh này bằng cách đưa họ về thế giới Tịnh Lưu Ly. Nếu họ ở Ta bà, sẽ bị ba loại ma bao vây, không thoát được, nhất là ngũ ấm ma, tức nghiệp bên trong và thiên ma bên ngoài gây khó khăn, khó thoát khỏi.

Được về thế giới Tịnh Lưu Ly tu, dù làm công hèn hạ cũng không bị nợ đòi. Trước nhất, ở thế giới của Ngài, tâm được yên thì mới tháo gỡ được vô minh; còn ở đây, vô minh này lại sinh ra sai lầm khác. Xây dựng thế giới Tịnh Lưu Ly và Ngài giáo dưỡng cho người ở đó trở thành người tốt, giỏi, đạo đức, sau đó cho họ trở về Ta bà để trả nợ.

Tụng kinh Dược Sư, chúng ta cũng theo hạnh của Ngài, trong phạm vi chuyên môn, hướng dẫn người sống và làm việc theo hướng tốt đẹp để không phạm kỷ luật, làm được việc và có cuộc sống bình an.

Nguyên thứ mười một, những người cầu thức ăn mà tạo nghiệp ác, Đức Phật Dược Sư khiến họ có đủ vật thực và dạy pháp Phật, khiến họ được Vô thượng Bồ đề. Đây là cách giải quyết riêng của thế giới Tịnh Lưu Ly mà chúng ta ở đây khó hiểu được, nên không dám bàn đến.

Nhưng theo Thầy, ăn chay thì không sát hại sinh mạng của các loài. Và tiến lên, giảm việc ăn uống, ăn vừa đủ sống, cho đến ăn nhẹ, ăn ít; vì nhu cầu vật chất của ta không nhiều, có thể tự giải quyết được và còn dư thừa để bố thí cho người nghèo thiếu.

Nguyên thứ mười hai, người nghèo khổ không có áo mặc, Đức Dược Sư cho họ chẳng những đầy đủ đồ dùng mà còn có dư đồ tốt đẹp.

Hai nguyện sau cùng liên quan đến việc cơm ăn, áo mặc được Đức Phật Thích Ca giải quyết cho người tu ở Ta bà bằng "Tam thường bất túc", nghĩa là ăn mặc ít, sống phạm hạnh, không đòi hỏi vật chất nhiều. Nhưng Đức Phật Dược Sư cho biết ở thế giới Tịnh Lưu Ly, người dân được ăn mặc thoải mái.

Tóm lại, Đức Phật Dược Sư nhận thấy rõ con người gặp nhiều khó khăn vì thiếu thốn vật chất, sức khỏe, tiền của, trí tuệ, mà lại có dư những bệnh tật, nghèo khổ, ngu dốt, tai nạn; nói chung có đủ những thứ xấu ác, nên người ta dễ dàng tạo ra nhiều tội lỗi, hoặc khó tiến tu Bồ tát đạo.

Với tâm từ bi vô lượng, phước trí vô biên, Đức Phật Dược Sư đã phát 12 lời nguyện khi hành Bồ tát đạo, dẫn đến thành quả là Ngài xây dựng được Tịnh độ tên là Tịnh Lưu Ly, một thế giới hoàn toàn tốt đẹp. Ở Đông phương Tịnh độ của Ngài, của báu dư thừa, giáo dục hướng thượng tuyệt vời, được sống chung với những bậc Bồ tát đại bi, đại trí, dưới sự hướng dẫn của Đức Dược Sư và Thánh chúng, người dân ở thế giới đó hưởng được những phương tiện tốt nhất để tiến nhanh đến quả vị Vô thượng Đăng giác.

Để chuẩn bị hành trang về thế giới Tịnh Lưu Ly của Đức Phật Dược Sư, thiết nghĩ chúng ta tụng kinh Dược Sư, niệm Phật Dược Sư, nghĩ đến đức hạnh của Ngài, nghĩ đến thế giới thuần tịnh của Ngài, chắc chắn phải nỗ lực tu tạo theo những hạnh nguyện của Đức Dược Sư. Đó chính là những thêm thang cho chúng ta bước đến thế giới Tịnh Lưu Ly của Ngài.

Ý Nghĩa Niệm Phật Di Đà

Đức Phật đưa ra nhiều pháp môn tu khác nhau để thích ứng với nhiều nghiệp chướng trần lao của chúng sinh ở Ta bà. Tuy nhiên, các pháp môn tu không ngoài mục tiêu ngăn chặn phiền não, trần lao cho chúng sinh và giúp mọi người được giải thoát.

Đức Phật Thích Ca giới thiệu trong mười phương có nhiều Đức Phật và nhiều thế giới Phật là những Tịnh độ khác nhau. Chúng ta xem nhân duyên và hoàn cảnh mình thích hợp với Tịnh độ nào, với vị Phật nào, thì nương theo thần lực của vị Phật đó mà tu hành để được giải thoát.

Trong tất cả các Đức Phật mười phương, Đức Phật Thích Ca cho biết chúng sinh ở Ta bà có duyên lớn với Đức Phật Di Đà. Vì thế, Ngài khuyên chúng ta nên niệm hồng danh Phật Di Đà và vãng sinh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật Di Đà. Đó chính là con đường tu của pháp môn Tịnh độ được truyền bá rộng rãi; nhưng nhiều người tu theo pháp môn này, mà ít người đạt được kết quả tốt. Vì đa số người không hiểu lời Phật dạy ẩn chứa ý sâu xa bên trong để ứng dụng vào cuộc sống tu hành. Họ tu theo cách bắt chước, nghe nói chỉ niệm hồng danh Phật mười tiếng cũng vãng sinh; trong khi thực tế niệm Phật cả vạn tiếng, nhưng nghiệp vẫn tràn đầy trong cuộc sống là đã hiểu sai lời Phật dạy, tu sai pháp.

Một trong những cách tu Tịnh độ là pháp niệm hồng danh Phật Di Đà. Nhiều người không hiểu, tưởng niệm Phật là miệng kêu tên Phật và tay lần chuỗi. Niệm là nhớ nghĩ; niệm Phật là nhớ nghĩ đến Phật, lấy tâm chúng ta gắn liền với Phật. Vì thế, không cần niệm ra tiếng, nhưng niệm Phật trong lòng, lúc nào cũng nghĩ đến Phật thì 84.000 phiền não trần lao sẽ bị diệt trừ.

Trần lao là tất cả những việc phức tạp, gây trở ngại khó khăn cho chúng ta trong cuộc sống. Chúng ta niệm Phật thì phiền não trần lao bị tiêu diệt, nghĩa là hoàn cảnh xấu ác không tác hại, làm tâm ta khổ. Tu trên căn bản này là tu tâm. Hoàn cảnh khổ, nhưng tâm không khổ, vì ta đang nhiếp tâm nghĩ tưởng đến Phật và thế giới Phật, làm sao khổ được.

Loại bỏ khỏi tâm mình tất cả hình ảnh xấu, người xấu, những việc hơn thua phải trái trên cuộc đời; vì nhớ nghĩ đến những thứ đó làm tâm chúng ta bất an. Người niệm Phật chủ yếu đem hình ảnh cao quý của Phật, Bồ tát, Thánh chúng vào tâm, sẽ được an lạc liền.

Dù hoàn cảnh có khó khổ đến đâu, nhưng tâm không khổ; vì tâm đang hướng về Phật và đang làm việc của Phật, tu hạnh Bồ tát. Tu như vậy, được Phật lực gia bị, cuộc sống chúng ta sẽ thay đổi tốt đẹp. Thay đổi trước tiên là người niệm Phật phải được tâm an vui. Thật vậy, thế giới của Đức Phật Di Đà có tên là Cực Lạc tiêu biểu cho cái vui cùng cực. Niệm Phật Di Đà, nghĩ đến Ngài là nghĩ đến cái vui cao tốt ấy, đương nhiên chúng ta được an vui.

Và tâm được an lạc, luôn hướng về Phật, về đức tánh trọn lành và việc làm cao quý của Ngài, chắc chắn Phật cũng nghĩ đến ta. Trên bước đường tu, hay trong thực tế cuộc sống, chúng ta có thể nghiệm thấy rõ điều này. Người nghĩ đến ta, thương ta, ta nhận được tín hiệu an lành. Người nghĩ ghét ta, ta nhận được tín hiệu bất an. Theo kinh nghiệm của riêng tôi, nếu cảm thấy bất an là biết đang nhận tín hiệu xấu đưa tới, đó là oan gia nghiệp chướng tội lỗi đã tạo đời trước sẽ đến đời. Biết rõ phút giây đó, nghiệp ác mình sinh ra thì phải nhiếp tâm niệm Phật.

Nếu không ngồi yên, nhiếp tâm niệm Phật được, nên lay sám hối. Cả ba nghiệp thân khẩu ý đều tập trung về Phật, miệng niệm Phật ra tiếng, thân lay Phật, tâm nghĩ đến Phật, tự động trần lao nghiệp chướng, tức ám ảnh tâm lý biến mất. Nhưng khi tu hành tốt rồi, nghiệp chúng ta đã thanh tịnh, hễ nghĩ đến Phật hay Tịnh độ, thì Phật và Tịnh độ liền hiện ra, tín hiệu xấu tự mất.

Để hình ảnh Phật in vào tâm, quý Thầy thường để tượng Phật Di Đà hay tam Thánh, hoặc hình ảnh thế giới Cực Lạc ở trước mặt để hàng ngày chiêm ngưỡng. Và nhìn tôn tượng Ngài đến độ nhập tâm thì các Thầy nhìn đâu cũng thấy Phật, thấy thế giới Cực Lạc, là thấy bằng tâm. Không nhiếp tâm niệm Phật, không tạo thành thói quen, trần lao nghiệp chướng dễ sinh khởi. Người niệm Phật phải có độ cảm sâu sắc về Phật, về thế giới Phật và niệm Phật thuần thực, dù đang sống ở Ta bà, vẫn an vui, tự tại, vì trần áp được phiền não, trần lao nghiệp chướng.

Niệm Phật, sống với thế giới Phật, tâm chúng ta an lành, thì hiện tượng giải thoát, dễ thương; chắc chắn không ai gây khó khăn cho ta. Vì vậy, khi đến nơi nào không vui là biết tâm mình chưa tốt, chưa an, nên không được

người thương mến, quý trọng. Gặp tình huống như vậy, tôi thường ngưng ngay công việc, để tâm tiếp cận với thế giới Phật. Vì tiếp cận chúng sinh, tâm chúng ta chưa thanh tịnh, gặp việc không vừa ý, phiền não phải phát sinh.

Thí dụ tu hành phát tâm thương người, muốn giúp đỡ, bố thí, cúng dường là tâm tốt sinh ra. Tâm muốn cúng dường, sẽ có nhiều Thầy đến quyên góp; tâm muốn bố thí, có vô số chúng sinh đến xin. Khi khởi tâm thì tốt, nhưng khi ứng dụng thì tâm xấu sẽ sinh ra. Thật vậy, có ý cúng dường, hay giúp đỡ, mà nhiều người đến xin, đến quyên góp vượt quá sức, khiến chúng ta bức tức, khó chịu; nghĩa là nghiệp và phiền não đã phát sinh trong khi làm việc tốt.

Để tâm xấu không sinh ra, tôi theo lời Phật dạy: "Làm việc tốt, đừng cho người biết và đừng nói chúng ta tốt". Chúng sinh sai lầm vì làm không bao nhiêu, sức có giới hạn, lại muốn khoe cho mọi người biết mình là người số một, nên phần nhiều bị thất bại. Tu Tịnh độ, khởi tâm bố thí, cúng dường, không cho người khác biết; âm thầm đi khắp nơi, thấy nơi nào muốn cúng, người nào muốn giúp, chúng ta làm. Nếu khoe rằng đã cho chỗ này một số tiền lớn, chỗ khác biết đến xin, không cho cũng phiền. Tỏ ra ta đây có nhiều phước, tự chuốc họa vào thân. Sống bình thường, nhưng tu hành làm được việc phi thường và từ giả cõi đời, ra đi nhẹ nhàng, là biết người này đã được vắng sinh Tịnh độ. Phật dạy Bồ tát tu hành nên dấu kín hạnh Bồ tát, bên ngoài hiện tướng phàm phu; nghĩa là Bồ tát cũng sống bình thường như mọi người, nhưng thành tựu những việc khó làm.

Niệm Phật Di Đà, tất yếu phải nghĩ đến công hạnh của Ngài. Một trong những công hạnh cao quý trên bước đường khởi tu của Đức Phật Di Đà là không màng phú quý lợi danh. Niệm hồng danh Ngài, chúng ta cũng tập từ bỏ quyền lợi vật chất thế gian. Trong kinh Bảo Tích có nói về tiền thân của Đức Phật Di Đà là vua Vô Trách Niệm đã bỏ ngai vàng đi tu và được đổi danh hiệu là Pháp Tạng Tỳ kheo; nghĩa là Ngài tiêu biểu cho kho pháp của Phật. Niệm Phật Di Đà, liên tưởng đến hạnh của Ngài như vậy, tôi đọc kinh không biết mệt mỏi, mong thu nhiếp được tạng pháp vào trong tâm trí, mong có được trí tuệ bao la như Ngài. Chúng ta niệm Phật Di Đà, từ bỏ vật chất để phát huy sự nghiệp tinh thần như Đức Di Đà xưa kia bỏ vương vị được Vô thượng Bồ đề; không phải bỏ vật chất để rồi trắng tay.

Đức Phật Di Đà có vô lượng công đức, chúng ta niệm Ngài thì được vô lượng công đức của Ngài gia bị. Chúng ta không lo lắng, tính toán, cuộc sống vẫn tốt. Tôi chứng nghiệm điều này rất rõ. Dù hoàn cảnh khó mấy, dù Giáo hội giao nhiều việc, tôi cũng không lo; vì lo cũng không tới đâu. Niệm Phật có Phật lo, mọi việc tự tốt. Thật vậy, tôi thấy rõ tất cả Phật sự mà được Phật lo, Phật sẽ khiến người tốt tự động tìm đến hỗ trợ. Từng bước niệm Phật, quán tưởng tu hành, được Phật lực gia bị, thường có quyết định đúng hơn người khác. Hòa thượng Trí Tịnh cho biết Ngài chuyên tâm niệm Phật,

không suy nghĩ, tính toán thì thấy việc trần gian chính xác hơn; còn để tâm theo dõi lại không thấy đúng. Vì thế, việc càng khó, càng phải nhiếp tâm niệm Phật, sẽ vượt qua được mọi chướng ngại và cuối cùng, bỏ xác thân này, cần nhiếp tâm niệm Phật hơn nữa để được vắng sinh về thế giới Phật.

Điều thứ ba là niệm hồng danh Phật Di Đà, nghĩa là niệm trí tuệ của Ngài, vì Di Đà còn có nghĩa là Vô lượng quang. Nhờ ánh quang hay trí tuệ của Đức Phật Di Đà rọi vào tâm, làm tâm ta sáng tỏ; từ đó, ta nhìn việc, nhìn người chính xác. Người tu Tịnh độ đúng, mỗi ngày tâm sáng suốt thêm, biết việc chưa từng biết; nhưng biết theo Phật, khác với cái biết theo chúng sinh. Biết theo chúng sinh thì phiền não. Biết theo Phật, không cần suy nghĩ, nhưng có ánh quang Phật soi sáng tâm, biết mọi việc từ nguyên nhân đến kết quả. Biết người đến với ta là người xấu, hay người oan gia nghiệp chướng đến đòi nợ, hoặc là người tốt đến giúp đỡ, thì tùy theo đó mà giải quyết một cách đúng đắn nhất; không bị họ lừa dối, không bị họ ám hại, hoặc không bỏ lỡ cơ hội gieo trồng căn lành cho người tốt cũng như người xấu, v.v... Không được Phật lực gia bị, không nhận ra người tốt, kẻ xấu, chắc chắn bị thất bại.

Điều thứ tư là niệm Phật đến nhất tâm, được Phật lực gia bị, không còn sợ hãi, lo lắng, buồn phiền, tâm chúng ta được bình ổn, thân mới khỏe mạnh. Niệm Phật, có sức khỏe tốt, làm việc nhiều, nhưng không bệnh đau là biết đã tiếp nhận được công đức lực của Phật Di Đà. Vì niệm Phật đúng pháp, sẽ nương được lực của Phật ở Cực Lạc mà làm việc ở Ta bà thì người thường sao có thể sánh kịp.

Tóm lại, niệm Phật Di Đà, tu Tịnh độ đúng pháp, tâm an vui, thân khỏe mạnh, trí sáng suốt, tạo được nhiều công đức, người nhìn thấy phải phát tâm. Người niệm Phật như vậy, ở cuộc đời đã làm được nhiều việc lợi ích cho người, Tịnh độ đã hiện hữu với họ ngay trong cuộc sống hằng ngày và khi từ bỏ thế giới mộng huyễn này, chắc chắn họ sẽ trở về thế giới vĩnh hằng bất tử là Tịnh độ của Đức Phật Di Đà.

*****HT THÍCH TRÍ QUẢNG*****